

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Mẫu giáo (3 - 6 tuổi)
Số trẻ: 125

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Bún ngêu, thịt heo, cà chua, củ cải, giá, hẹ lá, tỏi phi
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng
- Thịt bò xào thơm, hành tây, dưa leo, hành baro
- Canh khoai môn nấu tôm khô, húng quế
- Cải thìa luộc
Xế: Bánh Flan
Xế chiều: Nui sò nấu thịt gà, cà rốt, bông cải xanh, cải thảo, hành lá, ngò rí

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0270	Dầu thảo mộc (Lạc, vừng, cám...)	1,000	6,280	62,800
2	0695	Dầu thực vật Tường An	600	3,140	18,840
3	0494	Đường cát	1,200	3,880	46,560
4	0523	Nước mắm loại I	1,800	4,400	79,200
5	N0966	Muối Iot	1,300	740	9,620
6	0004	Gạo tẻ máy	5,900	2,560	151,040
7	0120	Hành lá (hành hoa)	200	5,250	10,500
8	0164	Rau mùi (ngò rí)	150	8,720	13,080
9	0119	Hành tím (hành củ tươi)	200	6,300	12,600
10	0185	Tỏi ta	100	7,460	7,460
11	0653	Bún khô	1,700	4,950	84,150
12	N0819	Thịt ngêu	2,000	6,830	136,600
13	N0770	Thịt nạc dăm	800	18,800	150,400
14	0087	Cà chua	1,200	7,350	88,200
15	0103	Củ cải trắng	400	3,050	12,200
16	0118	Giá đậu xanh	500	2,730	13,650
17	0124	Hẹ lá	150	4,830	7,245
18	0286	Thịt bò loại II	2,000	37,280	745,600
19	0226	Khóm (Dứa ta)	1,500	2,940	44,100
20	0121	Hành tây	500	3,680	18,400
21	0109	Dưa leo (dưa chuột)	600	4,200	25,200
22	0033	Khoai môn	3,300	7,250	239,250
23	0426	Tôm khô	200	79,870	159,740
24	N0846	Rau é (húng quế trắng)	150	11,030	16,545
25	0097	Cải thìa (cải trắng)	900	5,040	45,360

26	0750	Nui	1,900	3,300	62,700
27	N0772	Thịt ức gà	1,000	12,920	129,200
28	0089	Cà rốt	400	5,990	23,960
29	0182	Bông cải xanh (súp lơ)	500	7,350	36,750
30	0191	Cải thảo	400	3,990	15,960
31	0457	Sữa bột toàn phần	7,523.22	20,500	1,542,260
32	N0925	Bánh Flan caramel cao cấp	4,000	14,750	590,000
33	0186	Tỏi tây (cà lá)	300	8,610	25,830
Tổng cộng					4,625,000

Tổng tiền thực phẩm	4,625,000
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	4,625,000
Số dư đầu ngày	0
Số dư cuối ngày	0
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	44,326,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	44,326,001

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Trần Thị Khánh Ly

Ngô Thị Ngọc Lan